

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày: 24-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Huy Lập;
2. Ông Nguyễn Minh Sơn.

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Xuân L; tên gọi khác: T C; sinh năm 1970; nơi sinh: Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Xuân C (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có vợ: bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1977; có 03 con: lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền sự: không; tiền án:

- Tại bản án số 39/HSST ngày 29/10/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án số 29/HSST ngày 09/6/2004 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án số 11/HSST ngày 30/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và Bản án số 24/HSPT ngày 27/03/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 48 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án số 43/HSST ngày 07/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại bản án số 71/HSST ngày 16/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân: Tại bản án số 15/HSST ngày 28/6/1994 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xử phạt bị cáo 03 tháng tù về tội: “Đánh bạc”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- Các bị hại:

1. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm: 2000, hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: 64 đường V, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm: 1999; hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: 91C đường T, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

3. Anh Nguyễn Quang V, sinh năm: 1993; nơi cư trú: 94 đường H, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

4. Anh Bùi Văn N, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

5. Anh Phan Văn H, sinh năm: 1985; nơi cư trú: 01 đường P, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Nguyên K, sinh năm: 2000, hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nơi tạm trú: 64 đường V, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. Anh Võ Ngọc T, sinh năm: 1986, nơi cư trú: 94 94 đường H, phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

3. Anh Bùi Minh N, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

4. Chị Phan Thị H, sinh năm: 1986; nơi cư trú: 05 đường P, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Xuân L là đối tượng đã có 05 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 27/4/2019 L chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống nhưng không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài và sinh sống, L đã cùng một đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ) là bạn cùng chấp hành án với L tại trại giam Đ thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào trưa ngày 10/7/2019, C đi xe máy Sirius màu xanh (không nhớ biển số) chở L từ huyện Đ lên thành phố Đ để tìm xe máy trộm cắp. Khi đi đến số nhà 64 đường V, phường H, thành phố Đ thì cả hai phát hiện có một dãy xe máy dựng trong lán không có người trông coi. Lúc này, L đứng ngoài canh giới để cho

C vào bể khóa lấy trộm chiếc xe hiệu Suzuki Raider, màu đỏ biển số 78G1-207.20 của anh Nguyễn Ngọc C. Sau khi lấy trộm xe, cả hai chạy về huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng rồi dừng lại ven đường thay biển số xe Sirius vào xe Raider vừa trộm cắp và đem giấu xe Sirius ở con hẻm thuộc địa bàn huyện Đ rồi cả hai điều khiển xe Raider tiếp tục lên thành phố Đ để tìm xe máy để trộm cắp tiếp. Trên đường đi C đã vớt biển số xe Raider. Sau đó, cả hai lấy trộm 01 xe Yamaha Exciter, màu đỏ 150 phân khối (L khai không nhớ được vị trí lấy trộm xe). Sau khi lấy trộm được chiếc xe Yamaha Exciter thì L điều khiển xe Exciter còn C điều khiển xe Raider đi xuống thành phố Hồ Chí Minh để tiêu thụ. Khi đi đến huyện H, tỉnh Lâm Đồng cả hai nghi có người đuổi theo nên đã mang chiếc xe Raider giấu vào vườn nhà ông Chu Văn V, tại thôn D, xã H, huyện H rồi cả hai đi chiếc xe Exciter về chợ Đ, thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ. C mang bán chiếc xe Exciter bán được 11.000.000 đồng. Số tiền này C chia cho L 5.500.000 đồng, L đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Ngày 21/8/2019, Công an xã H, huyện H, tỉnh Lâm Đồng chỉ thu giữ được khung xe số 015197 của xe Suzuki Raider nói trên.

Bị hại là: Anh Nguyễn Ngọc C bị chiếm đoạt 01 chiếc xe máy hiệu Suzuki Raider, màu đỏ, biển số 78G1-207.20. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên anh C mượn của anh Nguyễn Nguyên K để đi làm thì bị mất. Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 692/KL-ĐG ngày 11/12/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận chiếc xe máy nói trên trị giá số tiền 26.000.000 (*hai mươi sáu triệu*) đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại khung xe trên cho anh C. Cả anh C và anh K đều yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng.

Lần 2: Khoảng 14 giờ ngày 27/7/2019, C điều khiển xe Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở L từ huyện Đ lên thành phố Đ để trộm cắp tài sản. Khi đi đến trước nhà xe T tại đường T, phường I, thành phố Đ thì cả hai phát hiện bên bãi đất trống có dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 47T1-228.54 của anh Nguyễn Bá Đ không có người trông coi. Lúc này, L đứng canh giới, C sử dụng vạm phá khóa đến mở khóa lấy trộm chiếc xe trên. Sau khi lấy trộm được xe, C điều khiển xe Exciter vừa trộm cắp, L điều khiển xe Sirius cùng chạy về chợ T, thành phố Hồ Chí Minh. C mang bán chiếc xe Exciter được 11.000.000 đồng rồi chia nhau mỗi người 5.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Bị hại là: Anh Nguyễn Bá Đ, bị chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng-đen-đỏ, biển số 47T1-228-54. Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 697/KL-ĐG ngày 18/12/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận chiếc xe máy trên trị giá 29.100.000 (*hai mươi chín triệu một trăm nghìn*) đồng. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên nên anh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.000.000 (*ba mươi ba triệu*) đồng.

Lần 3: Chiều ngày 28/7/2019, L và C điều khiển xe máy Sirius (không nhớ biển số) từ huyện Đ lên thành phố Đ để tìm xe máy trộm cắp, khi đi ngang qua nhà hàng H tại số 01 đường Q, phường I, thành phố Đ, L đứng ở ngoài canh giới còn C mang theo vạm phá khóa vào trong để tìm xe máy trộm cắp. Một lúc sau, C lấy trộm được chiếc xe máy Exciter màu xanh bạc, biển số 76E1-295.88 của anh Nguyễn Quang V. Sau đó, cả hai mang chiếc xe nói trên xuống thành phố Hồ Chí

Minh bán được 11.000.000 đồng. Số tiền này cả hai chia nhau mỗi người 5.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Bị hại: anh Nguyễn Quang V, bị chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển số 76E1-29588. Tại kết luận định giá tài sản số 648/KL-ĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: chiếc xe máy trên trị giá 27.000.000 (*Hai mươi bảy triệu*) đồng. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên anh V mượn của anh trai là Võ Ngọc T đi làm thì bị mất. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên, anh V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng.

Lần 4: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/8/2019, L và C tiếp tục đi tìm xe máy để tìm tài sản trộm cắp, khi đi đến Quán nem nướng T tại số 290 đường B, phường B, thành phố Đ thì cả hai phát hiện có nhiều xe máy dựng ở bên hông quán không có người trông coi. L đứng cạnh giới thiệu C sử dụng vạm phá khóa lấy trộm chiếc xe Yamaha Exciter màu đỏ đen, biển số 49L1-118.04 của anh Bùi Văn N. Sau khi trộm cắp được xe, cả hai chạy xuống thành phố Hồ Chí Minh bán được 11.000.000 đồng. Số tiền này cả hai chia nhau mỗi người 5.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Bị hại: Anh Bùi Văn N bị chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 49L1-118.04, màu đỏ đen. Tại kết luận định giá tài sản số 647/KL-ĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà L kết luận: chiếc xe máy trên trị giá 49.000.000 (*Bốn mươi chín triệu*) đồng. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên anh N mượn của em trai là Bùi Minh Nh đi làm thì bị mất. Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe trên, anh N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 49.000.000 (*Bốn mươi chín triệu*) đồng.

Lần 5: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 01/10/2019, L chở C từ huyện Đ lên thành phố Đ để tìm xe máy để trộm cắp. Đến 20 giờ cùng ngày khi cả hai đi đến trước nhà xe T tại số 05 đường P, phường E, thành phố Đ thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter màu trắng - đỏ - đen, biển số 38P1-46293 của anh Phan Văn H đang dựng có cắm chìa khóa. Thấy vậy, C nói L đến lấy trộm chiếc xe trên thì L đồng ý. L đi tới chiếc xe trên nổ máy chạy thì anh Phan Văn H phát hiện đuổi bắt được L và báo cơ quan công an phường E, riêng C thì đã bỏ chạy.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 38P1-46293, màu trắng-đen-đỏ, số máy G3D4E442146, số khung 0610HY422239.

Bị hại: Anh Phan Văn H, bị chiếm đoạt 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 38P1-46293, màu trắng-đen-đỏ. Quá trình điều tra xác định anh H mượn chiếc xe máy trên của chị Phan Thị H1 để đi công việc thì bị chiếm đoạt. Tại kết luận định giá tài sản số 646/KL-ĐG ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đà L kết luận: chiếc xe máy trên trị giá 39.950.000 (*Ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn*) đồng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh H, anh H và chị H1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L:

- 01 vạm phá khóa bằng kim loại màu trắng dài khoảng 8cm;

- 01 van phá khóa bằng kim loại màu trắng được mài dẹt 01 đầu có gắn 01 ống tròn dài 2,5cm;
- 01 tuýp hình chữ L, 01 đầu có khuôn hình lục giác, dài 13cm;
- 01 dụng cụ chích điện, màu đen dài 15cm, bằng nhựa;
- 01 sợi dây điện màu đỏ dài 25cm;
- 01 chìa khóa xe Yamaha màu đen;
- 01 thanh kim loại hình chữ U dài 02cm;
- 02 chìa khóa xe máy hiệu Honda;
- 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động Nokia dạng phím bấm, màu đen, đã qua sử dụng;
- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, đã qua sử dụng;
- Số tiền mặt 4.543.000 (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên C là người cùng thực hiện các lần trộm cắp tài sản với Mai Xuân L. Hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt đang tiếp tục điều tra xác minh khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe Yamaha Exciter, L và Cường trộm cắp vào ngày 10/7/2019, quá trình điều tra L không nhớ được vị trí lấy trộm xe và cũng không xác định được đối tượng C đã bán xe cho ai nên không thu giữ được xe, không xác minh được bị hại nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 17/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Mai Xuân L về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo xác định sau khi chấp hành án về địa phương bị cáo không có việc làm ổn định. Do cần tiền để sinh sống và tiêu xài cá nhân nên bị cáo mới tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị hại anh Nguyễn Ngọc C và người liên quan là anh Nguyễn Nguyên K xác định chiếc xe máy hiệu Suzuki Raider, màu đỏ, biển số 78G1-207.20 là của anh K cho anh C mượn đi làm thì bị bị cáo L chiếm đoạt. Do chỉ thu hồi được chiếc khung của xe, không còn giá trị sử dụng nên anh C và anh K yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh K số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh K.

Bị hại anh Nguyễn Quang V và người liên quan là anh Võ Ngọc T xác định chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển số 76E1-29588 là của anh T cho anh V mượn đi làm thì bị bị cáo L chiếm đoạt. Do không thu hồi được xe nên anh V và anh T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh T.

Các bị hại anh Nguyễn Bá Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, anh Bùi Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo Lâm đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh Đ, anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo, giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Mai Xuân L. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Xuân L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b,c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo L từ 06-07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo với bị hại và người liên quan. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Nguyên K số tiền 25.000.000 đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Bá Đ số tiền 25.000.000 đồng, bồi thường cho anh Võ Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng, bồi thường cho anh Bùi Văn N số tiền 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị: Tịch thu tiêu huỷ công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm: 02 van phá khóa bằng kim loại màu trắng; 01 tuýp tự động, hình chữ L 01 đầu có khuôn hình lục giác dài 1,3cm; 01 tuýp hình chữ L, 01 đầu có khuôn hình lục giác, dài 13cm; 01 dụng cụ chích điện bằng nhựa; 01 sợi dây điện màu đỏ dài 25cm; 01 chìa khóa xe máy; 01 thanh kim loại hình chữ U; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nokia dạng phím bấm màu đen của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng màu đen và số tiền 4.543.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại Samsung và số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, cam đoan không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên toà, người liên quan anh Bùi Minh Nh có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại anh Phan Văn H và người liên quan chị Phan Thị H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, biên bản xác định hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Mai Xuân L là đối tượng đã có 05 tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương bị cáo không kiểm việc làm chân chính để kiếm thu nhập. Để có tiền sinh sống và tiêu xài cá nhân, từ ngày 10/7/2019 đến ngày 01/10/2019, bị cáo L tiếp tục cùng đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ) 05 thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn thành phố Đ. Cụ thể bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc C 01 chiếc xe máy hiệu Suzuki Raider, màu đỏ, biển số 78G1-207.20, trị giá 26.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Bá Đ 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, màu trắng-đỏ - đen, biển số 47T1-228-54, trị giá 29.100.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang V 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 76E1-29588, trị giá 27.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Bùi Văn N 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 49L1-118.04, trị giá 49.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh Phan Văn H 01 xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 38P1-46293, trị giá 39.950.000 đồng. Hành vi của bị cáo L thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo L phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp, tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 171.050.000 (*một trăm bảy mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn*) đồng đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của các hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thì thấy rằng: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã có nhiều tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, chỉ trong thời gian ngắn, bị cáo đã liên tiếp nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và đặc biệt là thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần xử bị cáo hình phạt thật nghiêm khắc, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này còn có đối tượng tên C (không rõ lai lịch, địa chỉ) là người cùng thực hiện các lần trộm cắp tài sản với bị cáo L. Hiện cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với chiếc xe Yamaha Exciter, L và C trộm cắp vào ngày 10/7/2019, quá trình điều tra L không nhớ được vị trí lấy trộm xe và cũng không xác định được đối tượng C đã bán xe cho ai nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc xe, chưa xác minh được người bị hại. Cơ quan điều tra công an thành phố Đà Lạt sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Phan Văn Ho và người liên quan là chị Phan Thị H! đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter, biển số 38P1-46293, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Bị hại anh Nguyễn Ngọc C và người liên quan là anh Nguyễn Nguyên K yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh K số tiền 25.000.000 đồng. Bị hại anh Nguyễn Quang V và người liên quan là anh Võ Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh T số tiền 10.000.000 đồng. Các bị hại anh Nguyễn Bá Đ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, anh Bùi Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo L đồng ý bồi thường số tiền trên cho anh K, anh T, anh Đ và anh N. Xét sự thỏa thuận này giữa bị cáo và các bị hại, người liên quan là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét thấy:

- 02 van phá khóa bằng kim loại màu trắng; 01 tuýp tự động, hình chữ L 01 đầu có khuôn hình lục giác dài 1,3cm; 01 tuýp hình chữ L, 01 đầu có khuôn hình lục giác, dài 13cm; 01 dụng cụ chích điện bằng nhựa; 01 sợi dây điện màu đỏ dài 25cm; 01 chìa khóa xe máy; 01 thanh kim loại hình chữ U; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nokia dạng phím bấm màu đen là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng màu đen và số tiền 4.543.000 đồng là tài sản của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 38P1-46293 cho bị hại anh Phan Văn H, anh H và chủ sở hữu chiếc xe là chị Phan Thị H1 không có yêu cầu gì thêm; trả lại 01 khung xe, có màu đỏ đen, nhãn hiệu Suzuki, số khung 01597 (là khung xe của chiếc xe Suzuki Raider, biển số 78G1-207.20) cho bị hại là anh Nguyễn Ngọc C. Không ai có tranh chấp yêu cầu gì đối với vật chứng này nên không đề cập xem xét tiếp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Xuân L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Mai Xuân L **06** (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 01/10/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bị cáo L có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Nguyên K số tiền 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng, bồi thường cho anh Nguyễn Bá Đ số tiền 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng, bồi thường cho anh Võ Ngọc T số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng, bồi thường cho anh Bùi Văn N số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 van phá khóa bằng kim loại màu trắng dài khoảng 8cm; 01 van phá khóa bằng kim loại màu trắng được mài dẹt 01 đầu có gắn 01 ống tròn dài 2,5cm; 01 tuýp hình chữ L, 01 đầu có khuôn hình lục giác, dài 13cm; 01 dụng cụ chích điện, màu đen dài 15cm, bằng nhựa; 01 sợi dây điện màu đỏ dài 25cm; 01 chìa khóa xe Yamaha màu đen; 01 thanh kim loại hình chữ U dài 02cm; 02 chìa khoá xe máy hiệu Honda; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia dạng phím bấm, màu đen, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Samsung cảm ứng màu đen, đã qua sử dụng và số tiền 4.543.000 (*Bốn triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại và số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2020 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt và biên lai thu tiền số AA/2017/0001394 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo L phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.000.000 (*năm triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại anh C, anh Đ, anh V, anh N và người liên quan anh K anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án. Bị hại anh H và người liên quan anh N, chị H1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS TP. Đà Lạt;
- Công an TP. Đà Lạt;
- THA TP. Đà Lạt;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên